

Số: /TTr-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ cho một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Thực hiện Công văn số 85/HĐND-VP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh hồ sơ về dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ cho một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Thực trạng thời gian qua:

Ngày 15/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) trong đó quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng. Ngày 30/6/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ cho một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương, trong đó quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương được áp dụng từ ngày 01/7/2021 là 380.000 đồng/tháng, tăng thêm 20.000 đồng/tháng so với mức chuẩn quy định, qua đó đã giúp cho các đối tượng bảo trợ của tỉnh giảm bớt khó khăn trong cuộc sống.

Năm 2023, tỉnh Hải Dương có 83.698 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng với tổng kinh phí là 537 tỷ đồng, bình quân 6,4 triệu đồng/năm/người, bình

quân 534.000 đồng/tháng/người (tương ứng hệ số là 1,41). Số đối tượng hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng bình quân trong năm 2023 tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là 980 người với tổng kinh phí trợ cấp là 18 tỷ đồng/năm, bình quân 18,4 triệu đồng/năm/người, bình quân 1.533.000 đồng/tháng/người (tương ứng hệ số là 4,04).

Thực tế đến nay, chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng trên địa bàn tỉnh còn thấp, mới bảo đảm hỗ trợ được một phần nhu cầu thiết yếu, chưa tương đồng với chính sách khác. Trợ cấp xã hội bình quân của đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh là 534.000 đồng/tháng/người, chỉ bằng 6,8% thu nhập bình quân đầu người của tỉnh năm 2023 (thu nhập bình quân đầu người của tỉnh là 94,1 triệu đồng/năm, tương ứng 7,84 triệu đồng/tháng), bằng 35,6% chuẩn nghèo nông thôn (giai đoạn 2021-2025). Bên cạnh đó giai đoạn 2021-2023, tiền lương, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng được điều chỉnh tăng 02 lần (vào tháng 01/2022 và tháng 7/2023) và mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đã được điều chỉnh tăng 02 lần (vào tháng 7/2021 và tháng 7/2023). Vì vậy, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội chưa cao, chưa hỗ trợ được nhu cầu thiết yếu của đối tượng bảo trợ xã hội.

Tại khoản 3, Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định “*Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này...*”.

Tại Kế hoạch số 195-KH/TU ngày 29/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, có nội dung “*... có chính sách hỗ trợ và dần nâng mức về trợ cấp xã hội...*”.

Ngoài ra, nhiều tỉnh, thành phố đã ban hành nghị quyết thực hiện nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn nhiều so với mức quy định của Chính phủ như: Tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Nguyên là: 600.000 đồng/tháng; Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng là: 500.000 đồng/tháng;...

Do đó, việc ban hành chính sách nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội của tỉnh là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
- Luật Người cao tuổi; Luật Người khuyết tật; Luật Trẻ em;
- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

3. Cơ sở thực tiễn

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, trong đó quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh áp dụng từ ngày 01/7/2021 là 380.000 đồng/tháng. Đến nay, qua tham khảo mức chuẩn trợ giúp xã hội của một số tỉnh, thành phố (*Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hải Phòng,...*) thì mức chuẩn trợ giúp xã hội tại tỉnh Hải Dương hiện nay còn thấp. Bên cạnh đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, tham mưu xây dựng và tổ chức lấy ý kiến nhân dân về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, theo dự thảo Nghị định quy định nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội hàng tháng áp dụng từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng.

Do vậy, tỉnh Hải Dương cần ban hành chính sách nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội (*dự kiến là 520.000 đồng/tháng, cao hơn 20.000 đồng/tháng so với mức chuẩn trong dự thảo sửa đổi Nghị định 20/2021/NĐ-CP để phù hợp với quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội hiện nay cao hơn quy định của Chính phủ là 20.000 đồng/tháng*), hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội trong cuộc sống và phù hợp với tình hình hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

a) Xây dựng mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh thể hiện sự quan tâm đối với đối tượng bảo trợ xã hội, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, khả năng cân đối ngân sách và đúng thẩm quyền, đồng thời nhằm triển khai kịp thời các quy định mới của Trung ương như Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới và đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, bảo đảm người dân đặc biệt là các đối tượng yếu thế được hưởng chính sách kịp thời, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

b) Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện công tác trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

c) Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách của tỉnh quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội đã đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

a) Việc xây dựng phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết, thực hiện theo đúng quy định của Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND.

b) Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích của các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện chế độ chính sách bảo trợ xã hội.

c) Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh hiện nay. Nguồn kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách.

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHÍNH SÁCH

Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ cho một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND như sau: “1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 520.000 đồng/tháng.”.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

1. Đối tượng được trợ giúp xã hội tại cộng đồng và đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Dự kiến số lượng đối tượng hưởng trợ cấp, trợ giúp xã hội tại cộng đồng năm 2024 là ổn định so với thời điểm tháng 12/2023 và tăng 162 số đối tượng bảo trợ xã hội được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội so với thời điểm tháng 12/2023 (khi Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành quy định về việc tiếp nhận thêm một số đối tượng

vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội được ban hành) thì:

a) Đối tượng tại cộng đồng

- Trợ cấp xã hội hàng tháng:

+ Tổng số người là 83.698 người.

+ Hệ số bình quân đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng năm 2023: 1,41.

+ Kinh phí dự kiến tăng lên là: $83.698 \text{ người} \times 1,41 \times (520.000 - 380.000) \times 12 \text{ tháng} = \mathbf{198,263 \text{ tỷ đồng.}}$

- Hỗ trợ chi phí mai táng:

+ Số người hưởng trợ cấp chi phí mai táng bình quân hàng năm (2021 – 2023) là: 3.840 người.

+ Hệ số chi phí cho 1 người theo quy định: 20 lần mức chuẩn

+ Kinh phí dự kiến tăng lên là: $3.840 \text{ người} \times 20 \times (520.000 - 380.000) = \mathbf{10,752 \text{ tỷ đồng.}}$

Tổng kinh phí tăng lên đối với đối tượng tại cộng đồng là **209,015 tỷ đồng/năm.**

b) Đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng:

+ Tổng số bình quân hàng tháng trong năm 2023 được nuôi dưỡng là: 980 người.

+ Số người tăng lên khi Nghị quyết mở rộng đối tượng được thông qua là: 162 người

+ Hệ số trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng bình quân cho đối tượng là: 4,04.

+ Kinh phí dự kiến tăng lên là: $(980 + 162) \text{ người} \times 4,04 \times (520.000 - 380.000) \times 12 \text{ tháng} = \mathbf{7,750 \text{ tỷ đồng.}}$

- Hỗ trợ chi phí mai táng:

+ Số người hưởng trợ cấp chi phí mai táng bình quân hàng năm (2021 – 2023) là: 11 người.

+ Hệ số chi phí cho 1 người theo quy định: 50 lần mức chuẩn

+ Kinh phí dự kiến tăng lên là: $11 \text{ người} \times 50 \times (520.000 - 380.000) =$
0,077 tỷ đồng.

Tổng kinh phí tăng lên đối với đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội là
7,827 tỷ đồng/năm.

2. Tổng kinh phí

Kinh phí trợ giúp xã hội hàng tháng và chi phí mai táng tại cộng đồng bình quân năm hiện nay là 566 tỷ đồng. Kinh phí trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng và chi phí mai táng tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bình quân năm hiện nay là 18,2 tỷ đồng. Tổng kinh phí trợ cấp bình quân năm là 584,2 tỷ đồng

Tổng kinh phí trợ cấp dự kiến tăng lên cho đối tượng tại cộng đồng và đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội là: **216,842 tỷ đồng/năm.**

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp bảo đảm xã hội được bố trí trong ngân sách hàng năm của tỉnh.

V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Nghị quyết sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ cho một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng và chế độ cho một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thực trạng; Báo cáo tác động; Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Thế Hùng